**I. TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

**1. Thông tin của đơn vị tuyển sinh**

- **Tên Trường**:

Tiếng Việt: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

Tiếng Anh: VNU University of Science

**- Tên viết tắt:**

Tiếng Việt: Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN

Tiếng Anh: VNU-HUS

**- Đơn vị chủ quản:**Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN)

**- Địa chỉ:**

+334 đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội (Trụ sở chính)

+ 19 Lê Thánh Tông, Hoàn Kiếm, Hà Nội

+ 182 Lương Thế Vinh, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 024 35579076; 024 38585279; hotline: 0967867334; Fax: 024 38583061

- **Địa chỉ trang web**: [http://hus.vnu.edu.vn](http://hus.vnu.edu.vn/) - E-mail: tuvantuyensinh@hus.edu.vn

**- Tầm nhìn:**Trường ĐHKHTN trở thành trường đại học nghiên cứu thuộc nhóm 100 trường đại học hàng đầu Châu Á vào năm 2020 và một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến của Châu Á vào năm 2030.

**- Sứ mệnh:**Trường ĐHKHTN-ĐHQGHN là trường đại học nghiên cứu, có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu phát triển và chuyển giao tri thức thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.

**- Giá trị cốt lõi:**

Chất lượng xuất sắc, Đổi mới và sáng tạo, Trách nhiệm xã hội cao, Hợp tác và thân thiện.

Khẩu hiệu hành động: ***“Sáng tạo, Tiên phong, Trách nhiệm xã hội”.***

Thông điệp của Trường ĐHKHTN: ***“Vững tư duy - bền sự nghiệp”***

Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN là trường đại học đầu tiên trong khối Asean tham gia kiểm định chất lượng theo bộ tiêu chuẩn của mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN) và chính thức được công nhận đạt chuẩn chất lượng quốc tế chuẩn AUN-QA.

**2. Vùng tuyển sinh**

Tuyển sinh trong cả nước.

**3. Phương thức tuyển sinh**

Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia theo tổ hợp các môn/bài thi tương ứng và xét tuyển (kể cả xét tuyển thẳng) các đối tượng khác theo quy định của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN.

*- Đợt 1:* Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia theo tổ hợp các môn/bài thi tương ứng; chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí ĐH Cambridge, Anh (Cambridge International Examinations A-Level, UK; sau đây gọi tắt là chứng chỉ A-Level); thí sinh có kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt điểm theo quy định về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ĐHQGHN.

Thời gian xét tuyển: Theo quy định của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN.

*- Đợt bổ sung (nếu có):* Sẽ được công bố trên website của ĐHQGHN và của Trường ĐHKHTN.

**4. Các thông tin cơ bản quy định trong đề án tuyển sinh của Trường ĐHKHTN**

***4.1. Nguồn tuyển sinh***

4.1.1. Thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và dự bị đại học (Theo Quy chế của Bộ GDĐT và Hướng dẫn của ĐHQGHN).

4.1.2. Thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2019 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐHQGHN quy định.

4.1.3. Thí sinh có chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Anh (Cambridge International Examinations A-Level, UK; gọi tắt là chứng chỉ A-Level), có kết quả 3 môn phù hợp với yêu cầu của ngành đào tạo tương ứng, trong đó có ít nhất một trong hai môn Toán, Ngữ văn. Mức điểm mỗi môn thi đạt từ 60/100 điểm trở lên(tương ứng điểm C, PUM range ≥ 60) mới đủ điều kiện đăng ký để xét tuyển.

4.1.4. Thí sinh có kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt điểm từ 1.100/1.600 hoặc 1.450/2.400 trở lên *(còn giá trị sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm kể từ ngày dự thi).* Mã đăng ký của ĐHQGHN với Tổ chức thi SAT (The College Board) là ***7853 - Vietnam National University - Hanoi*** Thí sinh phải khai báo mã đăng ký trên khi đăng ký thi SAT.

4.1.5. Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 5.5 trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương còn hạn sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm kể từ ngày dự thivà có tổng điểm 2 môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu 12 điểm *(trong đó bắt buộc có môn Toán hoặc môn Ngữ văn).*

***4.2. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh***

4.2.1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng, theo khu vực, các đối tượng được xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, Hướng dẫn tuyển sinh của Bộ GDĐT và của ĐHQGHN.

4.2.2. Học sinh THPT chuyên thuộc ĐHQGHN được xét tuyển thẳng và xét tuyển vào bậc đại học tại ĐHQGHN phải tốt nghiệp THPT, có hạnh kiểm 3 năm học THPT đạt loại Tốt và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Là thành viên chính thức đội tuyển dự kỳ thi Olympic hoặc các cuộc thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế;

b) Đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN;

c) Đạt giải chính thức trong kỳ thi Olympic chuyên Khoa học tự nhiên bậc THPT được tổ chức hàng năm;

d) Là thành viên chính thức của đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc các cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật quốc gia;

e) Đạt danh hiệu học sinh giỏi từng năm học trong cả 3 năm THPT và có tổng điểm 4 bài thi/môn thi tốt nghiệp THPT đạt tối thiểu 28,0 điểm trong đó không có điểm bài thi/môn thi nào dưới 5,0 điểm *(Mức điểm xét tuyển cụ thể và các tiêu chí phụ do HĐTS quy định).*

Học sinh đạt một trong các tiêu chí quy định tại điểm a, b, c, d Mục 4.2.2 trong các năm học ở bậc THPT được bảo lưu kết quả khi xét tuyển thẳng và xét tuyển vào bậc đại học tại Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN.

4.2.3. Học sinh một số trường THPT chuyên cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (không phải là 2 trường THPT chuyên của ĐHQGHN) được đăng ký xét tuyển thẳng và xét tuyển nếu đáp ứng các yêu cầu như đối với học sinh THPT chuyên thuộc ĐHQGHN được quy định tại Mục 4.2.2 và phải đáp ứng tiêu chí sau: Là học sinh thuộc trường THPT chuyên có trong danh sách các trường THPT chuyên được Trường ĐHKHTN dành chỉ tiêu xét tuyển thẳng và xét tuyển.

4.2.4. Ưu tiên xét tuyển thí sinh không dùng quyền xét tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển nếu đạt ngưỡng đảm bảo đầu vào ngành đào tạo/CTĐT;  Ưu tiên xét tuyển đối với các học sinh tốt nghiệp THPT trong năm tuyển sinh đạt giải giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh hoặc cấp ĐHQGHN với môn thi phù hợp với ngành/CTĐT và đồng thời đáp ứng điều kiện: đạt lực học loại giỏi liên tục trong 3 năm học bậc THPT; đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành/CTĐT và các điều kiện khác do HĐTS Trường ĐHKHTN quy định trong Đề án tuyển sinh.

4.2.5. Căn cứ tiêu chí, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐHQGHN quy định và chỉ tiêu tuyển sinh. Trường ĐHKHTN xây dựng điểm trúng tuyển theo phương án tuyển sinh của Trường.

4.2.6. Thí sinh đạt ngưỡng trúng tuyển phải tốt nghiệp THPT theo quy định của Bộ GD&ĐT trước khi nhập học.

4.2.7. Trường ĐHKHTN nhận hồ sơ thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển từ các Sở GDĐT và thông báo kết quả tới các Sở GDĐT và thí sinh theo Quy định của Bộ GDĐT; Báo cáo kết quả xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển về Ban Chỉ đạo tuyển sinh ĐHQGHN theo Quy định.

Thông tin chi tiết về tuyển sinh, xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, hình thức xét tuyển được đăng trên website của ĐHQGHN và trên website: hus.vnu.edu.vn của Trường ĐHKHTN.

**5. Các thông tin khác**

Đối với các CTĐT tài năng, chuẩn quốc tế, chất lượng cao: xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT quốc gia hoặc các nguồn tuyển khác theo yêu cầu riêng của từng CTĐT; Ngay khi thí sinh trúng tuyển nhập học, Trường ĐHKHTN sẽ công bố điều kiện đăng ký học các CTĐT tài năng, chuẩn quốc tế, chất lượng cao;

Thí sinh trúng tuyển vào Trường ĐHKHTN có nguyện vọng theo học các CTĐT tài năng, chuẩn quốc tế, chất lượng cao phải đạt điểm trúng tuyển vào CTĐT tương ứng kể trên theo tổ hợp xét tuyển tương ứng. Điểm đăng ký dự tuyển vào các CTĐT tài năng, chuẩn quốc tế, chất lượng cao do HĐTS quy định nhưng tối thiểu bằng hoặc cao hơn điểm trúng tuyển vào CTĐT chuẩn tương ứng kể trên.

**6. Thông tin về ngành/chương trình đào tạo, chỉ tiêu, tổ hợp xét tuyển**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã trường** | **Mã ngành** | **Mã xét tuyển** | **Tên ngành/CTĐT** | **CƯhỉ tiêu**(*Cập nhật tại website)* | **Tổ hợp môn xét tuyển 1** | **Tổ hợp môn xét tuyển 2** | **Tổ hợp môn xét tuyển 3** | **Tổ hợp môn xét tuyển 4** |
| **Theo KQthi THPTQG** | **Theo phương thức khác** | **Mã tổ hợp môn** | **Môn chính** | **Mã tổ hợp môn** | **Mônchính** | **Mã tổ hợp môn** | **Mônchính** | **Mã tổ hợp môn** | **Mônchính** |
| 1 | QHT | 7460101 | QHT01 | Toán học |   |   | A00 |  | A01 |  | D07 |  | D08 |  |
| 2 | QHT | 7460117 | QHT02 | Toán tin |   |   | A00 |  | A01 |  | D07 |  | D08 |  |
| 3 | QHT | 7480110QTD | QHT90 | Máy tính và khoa học thông tin\* |   |   | A00 |  | A01 |  | D07 |  | D08 |  |
| 4 | QHT | 7480110CLC | QHT40 | Máy tính và khoa học thông tin\*\* |   |   | A00 |  | A01 |  | D07 |  | D08 |  |
| 5 | QHT | 7440102 | QHT03 | Vật lí học |   |   | A00 |  | A01 |  | B00 |  | C01 |  |
| 6 | QHT | 7440122 | QHT04 | Khoa học vật liệu |   |   | A00 |  | A01 |  | B00 |  | C01 |  |
| 7 | QHT | 7510407 | QHT05 | Công nghệ kỹ thuật hạt nhân |   |   | A00 |  | A01 |  | B00 |  | C01 |  |
| 8 | QHT | 7440112 | QHT06 | Hoá học |   |   | A00 |  | B00 |  | D07 |  |  |  |
| 9 | QHT | 7440112TT | QHT41 | Hoá học\*\* |   |   | A00 |  | B00 |  | D07 |  |  |  |
| 10 | QHT | 7510401 | QHT07 | Công nghệ kỹ thuật hoá học |   |   | A00 |  | B00 |  | D07 |  |  |  |
| 11 | QHT | 7510401CLC | QHT42 | Công nghệ kỹ thuật hoá học\*\* |   |   | A00 |  | B00 |  | D07 |  |  |  |
| 12 | QHT | 7720203CLC | QHT43 | Hoá dược\*\* |   |   | A00 |  | B00 |  | D07 |  |  |  |
| 13 | QHT | 7420101 | QHT08 | Sinh học |   |   | A00 |  | A02 |  | B00 |  | D08 |  |
| 14 | QHT | 7420201 | QHT09 | Công nghệ sinh học |   |   | A00 |  | A02 |  | B00 |  | D08 |  |
| 15 | QHT | 7420201CLC | QHT44 | Công nghệ sinh học\*\* |   |   | A00 |  | A02 |  | B00 |  | D08 |  |
| 16 | QHT | 7440217 | QHT10 | Địa lí tự nhiên |   |   | A00 |  | A01 |  | B00 |  | D10 |  |
| 17 | QHT | 7440230QTD | QHT91 | Khoa học thông tin địa không gian\* |   |   | A00 |  | A01 |  | B00 |  | D10 |  |
| 18 | QHT | 7850103 | QHT12 | Quản lý đất đai |   |   | A00 |  | A01 |  | B00 |  | D10 |  |
| 19 | QHT | 7440301 | QHT13 | Khoa học môi trường |   |   | A00 |  | A01 |  | B00 |  | D07 |  |
| 20 | QHT | 7440301TT | QHT45 | Khoa học môi trường\*\* |   |   | A00 |  | A01 |  | B00 |  | D07 |  |
| 21 | QHT | 7620103 | QHT14 | Khoa học đất |   |   | A00 |  | A01 |  | B00 |  | D07 |  |
| 22 | QHT | 7510406 | QHT15 | Công nghệ kỹ thuật môi trường |   |   | A00 |  | A01 |  | B00 |  | D07 |  |
| 23 | QHT | 7510406CLC | QHT46 | Công nghệ kỹ thuật môi trường\*\* |   |   | A00 |  | A01 |  | B00 |  | D07 |  |
| 24 | QHT | 7440221 | QHT16 | Khí tượng và khí hậu học |   |   | A00 |  | A01 |  | B00 |  | D07 |  |
| 25 | QHT | 7440228 | QHT17 | Hải dương học |   |   | A00 |  | A01 |  | B00 |  | D07 |  |
| 26 | QHT | Thí điểm | QHT92 | Tài nguyên và môi trường nước\* |   |   | A00 |  | A01 |  | B00 |  | D07 |  |
| 27 | QHT | 7440201 | QHT18 | Địa chất học |   |   | A00 |  | A01 |  | B00 |  | D07 |  |
| 28 | QHT | 7520501 | QHT19 | Kỹ thuật địa chất |   |   | A00 |  | A01 |  | B00 |  | D07 |  |
| 29 | QHT | 7850101 | QHT20 | Quản lý tài nguyên và môi trường |   |   | A00 |  | A01 |  | B00 |  | D07 |  |
|   |   | **Tổng cộng:** |  |  |  |  |   |  |   |  |   |  |   |  |

***Mã tổ hợp xét tuyển vào Trường ĐHKHTN, năm 2019***

***A00:****Toán, Vật lý, Hóa học*

***B00:****Toán, Hóa học, Sinh học*

***D08:****Toán, Sinh học, Tiếng Anh*

***A01****: Toán, Vật lý, Tiếng Anh*

***C01:****Ngữ văn, Toán, Vật lý*

***D10:****Toán, Địa lý, Tiếng Anh*

***A02:****Toán, Vật lý, Sinh học*

***D07:****Toán, Hóa học, Tiếng Anh*

*Ghi chú:*

*\* Chương trình đào tạo thí điểm.*

*\*\* Chương trình đào tạo học phí tương ứng với chất lượng đào tạo, đáp ứng Thông tư 23/2014 của Bộ GDĐT hoặc chương trình đào tạo đặc thù.*

**II. TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**1. Thông tin của đơn vị tuyển sinh**

Tên trường: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Mã trường: QHX

Địa chỉ: 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Website: [http://ussh.vnu.edu.vn](http://ussh.vnu.edu.vn/)

Điện thoại: 0243 8585237; Fax: 0243 8587326

Email: tuyensinh@ussh.edu.vn

Fanpage: <https://www.facebook.com/tuvantuyensinh.ussh>

**2. Vùng tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

**3. Phương thức tuyển sinh:**

Xét tuyển kết quả thi THPT quốc gia năm 2019 theo tổ hợp các môn/bài thi đã công bố của Trường; Điểm trúng tuyển xác định theo từng tổ hợp các bài thi/môn thi xét tuyển.

Thí sinh được đăng ký xét tuyển (ĐKXT) không giới hạn số nguyện vọng, số trường/khoa và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Tuy nhiên, mỗi thí sinh chỉ trúng tuyển vào một nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.

Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển và cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có).

**4. Các thông tin cơ bản quy định trong đề án tuyển sinh của Trường:**

***4.1 Thời gian ĐKXT:***Thí sinh sử dụng kết quả thi THPT quốc gia nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển cùng với hồ sơ đăng ký dự thi THPT theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ GDĐT và của ĐHQGHN.

***4.2 Chính sách ưu tiên tuyển sinh (có giới hạn chỉ tiêu)***

**a)** Xét tuyển thẳng thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kĩ thuật quốc tế đã tốt nghiệp trung học; thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia và Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp trung học.

**b)** Xét tuyển thẳng học sinh hệ chuyên của các trường THPT chuyên thuộc ĐHQGHN và một số trường THPT chuyên được Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHKHXHNV) phân bổ chỉ tiêu xét tuyển thẳng trên cơ sở phê duyệt của ĐHQGHN.

**c)** Xét tuyển thẳng thí sinh có chứng chỉ quốc tế Cambridge International Examinations (A-Level); chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 5.5 trở lên  hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương; chứng chỉ kết quả kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đáp ứng quy định của Trường ĐHKHXHNV và của ĐHQGHN.

**d)** Xét tuyển thẳng đối tượng thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ đăng kí xét tuyển theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; Thí sinh là người dân tộc rất ít người theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ.

**e)** Xét tuyển thẳng thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, đã tốt nghiệp THPT (Nhà trường không có chương trình đào tạo dành riêng cho thí sinh là người khiếm thị, khiếm thính).

**g)** Ưu tiên xét tuyển thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và đã tốt nghiệp THPT, có kết quả tổ hợp bài thi/môn thi THPT sử dụng để đăng ký xét tuyển đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Trường ĐHKHXHNV quy định.

*Thí sinh xem hướng dẫn chi tiết về xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển trên website*: [http://tuyensinh.ussh.edu.vn](http://tuyensinh.ussh.edu.vn/)

**5. Các thông tin khác:**

*- CTĐT chất lượng cao:*Sau khi trúng tuyển và nhập học thí sinh có cơ hội được tuyển thẳng và xét tuyển vào các CTĐT chất lượng cao thuộc các ngành Khoa học quản lí, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Tâm lí học, Triết học và Văn học nếu đảm bảo các yêu cầu theo quy định của Trường. Sinh viên tốt nghiệp được nhận bằng cử nhân chất lượng cao.

*- Đào tạo cùng lúc hai chương trình đào tạo (bằng kép):*

Sau khi học hết năm thứ nhất, sinh viên chính quy của Trường ĐHKHXHNV có cơ hội học thêm một ngành thứ hai là một trong các ngành sau:

- Ngành Báo chí, ngành Đông phương học (chuyên ngành Korea học, chuyên ngành Nhật Bản học), ngành Khoa học quản lí, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, ngành Quản trị văn phòng (dự kiến), ngành Quốc tế học và ngành Tâm lý học của Trường ĐHKHXHNV.

- Ngành Ngôn ngữ Anh, ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc, ngành Ngôn ngữ Nhật, ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường ĐH Ngoại ngữ.

- Ngành Luật học của Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.

Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo của cả hai ngành sẽ được nhận hai bằng cử nhân chính quy.

 *- Quy định về ngoại ngữ:*

- Sinh viên các ngành dưới đây bắt buộc phải tích lũy tín chỉ các học phần Tiếng Anh (thuộc khối kiến thức chung trong CTĐT) để đáp ứng điều kiện được tiếp tục học Tiếng Anh chuyên ngành: *Quốc tế học, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản lý thông tin, Việt Nam học.*

- Sinh viên ngành Hán Nôm bắt buộc phải học ngoại ngữ (thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo) là tiếng Trung.

**6. Thông tin về ngành/nhóm ngành, chỉ tiêu, tổ hợp xét tuyển**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã****ngành** | **Mã xét tuyển** | **Tên ngành** | **Chỉ tiêu***(Cập nhật tại website)* | **Tổ hợp            xét tuyển 1** | **Tổ hợp             xét tuyển 2** | **Tổ hợp            xét tuyển 3** | **Tổ hợp              xét tuyển 4** |
| Theo KQ thi THPT QG | Theo phương thức khác | Mã tổ hợp môn | Môn chính | Mã tổ hợp môn | Môn chính | Mã tổ hợp môn | Môn chính | Mã tổ hợp môn | Môn chính |
| 1                 | 7320101 | QHX01 | Báo chí |   |   | A00 |   | C00 |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83 |   |
| 2                 | 7320101 | QHX40 | Báo chí (*dự kiến*) \*\**CTĐT CLC TT23* |   |   | A00 |   | C00 |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83 |   |
| 3                 | 7310201 | QHX02 | Chính trị học |   |   | A00 |   | C00 |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83 |   |
| 4                 | 7760101 | QHX03 | Công tác xã hội |   |   | A00 |   | C00 |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83 |   |
| 5                 | 7310620 | QHX04 | Đông Nam Á học |   |   | A00 |   | C00 |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83 |   |
| 6                 | 7310608 | QHX05 | Đông phương học |   |   |   |   | C00 |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83 |   |
| 7                 | 7220104 | QHX06 | Hán Nôm |   |   |   |   | C00 |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83 |   |
| 8                 | 7340401 | QHX07 | Khoa học quản lý |   |   | A00 |   | C00 |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83 |   |
| 9                 | 7340401 | QHX41 | Khoa học quản lý (*dự kiến*) \*\**CTĐT CLC TT23* |   |   | A00 |   | C00 |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83 |   |
| 10               | 7229010 | QHX08 | Lịch sử |   |   |   |   | C00 |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83 |   |
| 11               | 7320303 | QHX09 | Lưu trữ học |   |   | A00 |   | C00 |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83 |   |
| 12               | 7229020 | QHX10 | Ngôn ngữ học |   |   |   |   | C00 |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83 |   |
| 13               | 7310302 | QHX11 | Nhân học |   |   | A00 |   | C00 |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83 |   |
| 14               | 7310613 | QHX12 | Nhật Bản học (*dự kiến*) |   |   |   |   |   |   | D01, D04, D06 |   | D78, D81, D83 |   |
| 15               | 7320108 | QHX13 | Quan hệ công chúng |   |   |   |   | C00 |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83 |   |
| 16               | 7320205 | QHX14 | Quản lý thông tin |   |   | A00 |   | C00 |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83 |   |
| 17               | 7810103 | QHX15 | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |   |   |   |   |   |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83 |   |
| 18               | 7810201 | QHX16 | Quản trị khách sạn |   |   |   |   |   |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83 |   |
| 19               | 7340406 | QHX17 | Quản trị văn phòng |   |   | A00 |   | C00 |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83 |   |
| 20               | 7310601 | QHX18 | Quốc tế học |   |   | A00 |   | C00 |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83 |   |
| 21               | 7310401 | QHX19 | Tâm lý học |   |   | A00 |   | C00 |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83 |   |
| 22               | 7320201 | QHX20 | Thông tin – thư viện |   |   | A00 |   | C00 |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83 |   |
| 23               | 7229009 | QHX21 | Tôn giáo học |   |   | A00 |   | C00 |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83 |   |
| 24               | 7229001 | QHX22 | Triết học |   |   | A00 |   | C00 |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83  |   |
| 25               | 7229030 | QHX23 | Văn học |   |   |   |   | C00 |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83 |   |
| 26               | 7310630 | QHX24 | Việt Nam học |   |   |   |   | C00 |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83 |   |
| 27               | 7310301 | QHX25 | Xã hội học |   |   | A00 |   | C00 |   | D01, D03, D04 |   | D78, D82, D83 |   |
| **Tổng cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*- (\*\*)  Các chương trình đào tạo chất lượng cao đáp ứng Thông tư 23/2014-TT-BGDĐT của Bộ GDĐT.*

*- Môn thi/bài thi các tổ hợp xét tuyển:***A00** – Toán học, Hóa học, Vật lí; **C00** – Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí; **D01** – Toán học, Ngữ văn, Tiếng Anh; **D03** – Toán học, Ngữ văn, Tiếng Pháp; **D04** – Toán học, Ngữ văn, Tiếng Trung; **D06** – Toán học, Ngữ văn, Tiếng Nhật; **D78** – Ngữ văn, KHXH, Tiếng Anh; **D81** – Ngữ văn, KHXH, Tiếng Nhật; **D82** – Ngữ văn, KHXH, Tiếng Pháp; **D83** – Ngữ văn, KHXH, Tiếng Trung.

**III. TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ**

Địa chỉ: Nhà E3, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024.37547865; Fax: 024.37547460

Website: http://www.uet.vnu.edu.vn

Email: TuyensinhDHCN@vnu.edu.vn

**1. Vùng tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước

**2. Phương thức tuyển sinh:**

- Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia theo tổ hợp các môn tương ứng. Điểm trúng tuyển được tính trên điểm của tổ hợp môn xét tuyển và được xác định theo nhóm ngành. Việc phân ngành học được thực hiện sau khi thí sinh trúng tuyển vào Trường trên cơ sở nguyện vọng của thí sinh, điểm thi và chỉ tiêu từng ngành;

- Xét tuyển theo Chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí ĐH Cambridge, Anh (Cambridge International Examinations A-Level, UK).

- Xét tuyển theo kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ).

**3. Các thông tin cơ bản quy định trong đề án tuyển sinh của Trường:**

- Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh và nguyên tắc xét tuyển được thực hiện theo quy định của ĐHQGHN và của Bộ GDĐT.

- Trường Đại học Công nghệ (ĐHCN) tuyển sinh 1.460 chỉ tiêu theo 11 ngành/ nhóm ngành.

- Năm 2019, Trường ĐHCN dành 200 chỉ tiêu tuyển thẳng các thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia; thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kĩ thuật quốc tế vào học ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi của thí sinh; thí sinh thuộc hệ chuyên của các trường THPT chuyên thuộc ĐHQGHN và thí sinh thuộc hệ chuyên của một số trường THPT chuyên không thuộc ĐHQGHN theo Quy định Cơ chế đặc thù trong đào tạo liên thông bậc THPT chuyên và bậc ĐH tại ĐHQGHN.

- Trường ĐHCN xét tuyển vào hệ đại học chính quy năm 2019 đối với các thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế được quy đổi sang điểm tiếng Anh trong tổ hợp môn xét tuyển tương ứng của trường theo quy định của ĐHQGHN.

**4. Các thông tin khác:**

Bên cạnh các chương trình đào tạo chuẩn Nhà trường còn đào tạo các CTĐT CLC đáp ứng thông tư 23 của Bộ GD&ĐT đào tạo theo đơn đặt hàng từ các doanh nghiệp, tổ chức hàng đầu của Nhật Bản, Việt Nam và quốc tế; tối thiểu 50% môn học chuyên môn được giảng dạy bằng Tiếng Anh; sử dụng phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá theo hướng phát huy năng lực cá nhân và chú trọng phát triển năng lực phân tích, thực hành, sáng tạo, tự cập nhật kiến thức; năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; Điểm trúng tuyển được tính trên tổng điểm tổ hợp các môn thi THPT quốc gia hoặc chứng chỉ A-Level lấy từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu. Học phí cho chương trình này là 35.000.000đ/năm ổn định trong toàn khóa học.

**5. Thông tin về ngành/nhóm ngành, chỉ tiêu, tổ hợp xét tuyển**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã trường** | **Mã xét tuyển** | **Tên nhóm ngành** | **Tên ngành/chương trình đào tạo** | **Chỉ tiêu***(Cập nhật tại website)* | **Tổ hợp môn xét tuyển 1** | **Tổ hợp môn xét tuyển 2** | **Tổ hợp môn xét tuyển 3** |
| **Theo KQ thi THPT QG** | **Theo phương thức khác** | **Mã tổ hợp môn** | **Môn chính** | **Mã tổ hợp môn** | **Môn chính** | **Mã tổ hợp môn** | **Môn chính** |
| **I** | **CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | **QHI** | **CN1** | Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin |   |   | A00  |   | A01  |   |   |   |
| Công nghệ thông tin định hướng thị trường Nhật Bản |   |   |   |   |   |
| Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu |   |   |   |   |   |
| 2 | **QHI** | **CN2**  | Máy tính và Robot | Kỹ thuật máy tính |   |   |   |   |   |
| Kỹ thuật Robot |   |   |   |   |   |
| 3 | **QHI** | **CN3** | Vật lý kỹ thuật | Kỹ thuật năng lượng |   |   |   |   |   |
| Vật lý kỹ thuật |   |   |   |   |   |
| 4 | **QHI** | **CN4** | Cơ kỹ thuật |   |   |   |   |   |
| 5 | **QHI** | **CN5** | Công nghệ kỹ thuật xây dựng |   |   |   |   |   |
| 6 | **QHI** | **CN7** | Công nghệ Hàng không vũ trụ |   |   |   |   |   |
| 7 | **QHI** | **CN11** | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |   |   |   |   |   |
| **8** | **QHI** | **CN10** | Công nghệ nông nghiệp |  |  | **A00** |  | **A01** |  | **B00** |  |
| **II** | **CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO ĐÁP ỨNG THÔNG TƯ 23 CỦA BỘ GDĐT** |
| 9 | **QHI** | **CN6** | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử |   |   | A00T,L,H | (Toán, Lý) hệ số 2  | A01T,A,L | (Toán, Tiếng Anh) hệ số 2  |   |   |
| 10 | **QHI** | **CN8** | Công nghệ thông tin (CLC theo TT23) | Khoa học Máy tính |   |   |
| Hệ thống thông tin |   |   |
| 11 | **QHI** | **CN9** | Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông |   |   |
|  |  |  | **Tổng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |

**IV. TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

MÃ TRƯỜNG: QHF

Địa chỉ: Số 2 đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại:   (84-24) 37547269  Fax:  (84-24) 37548057

Website:   http://ulis.vnu.edu.vn/     Email:  dhnn@vnu.edu.vn

**1. Vùng tuyển sinh**:  Toàn quốc.

**2. Phương thức tuyển sinh:**

- Sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để xét tuyển

 - Xét tuyển dựa vào (1) kết quả bài thi THPT quốc gia; (2) chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Anh (chứng chỉ A-Level); xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT và của ĐHQGHN.

- Thời gian nhận ĐKXT và XT theo kế hoạch của Bộ GDĐT và của ĐHQGHN.

- Hình thức nhận ĐKXT: trực tuyến hoặc trực tiếp tại cơ sở đào tạo theo quy định của Bộ GDĐT và Hướng dẫn của ĐHQGHN.

**3. Các thông tin cơ bản quy định trong đề án tuyển sinh của trường**

- Đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp; người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định.

- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập do hậu quả của chất độc hoá học là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học: Chủ tịch HĐTS xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khoẻ.

- Thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và dự bị đại học xét tuyển theo các quy định hiện hành của Bộ, của ĐHQGHN và theo Đề án tuyển sinh đại học chính quy năm 2019;

- Thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2019 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐHQGHN quy định.

- Thí sinh có chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Anh (Cambridge International Examinations A-Level, UK; sau đây gọi tắt là chứng chỉ A-Level): Thí sinh sử dụng chứng chỉ A-Level có kết quả 3 môn phù hợp với yêu cầu của ngành đào tạo tương ứng, trong đó có ít nhất một trong hai môn Toán, Ngữ văn. Mức điểm mỗi môn thi đạt từ 60/100 điểm trở lên (tương ứng điểm C, PUM range ≥ 60) mới đủ điều kiện đăng ký để xét tuyển.

- Thí sinh có kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt điểm từ 1100/1600 hoặc 1450/2400 trở lên (còn giá trị sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm kể từ ngày dự thi). Mã đăng ký của ĐHQGHN với Tổ chức thi SAT (The College Board) là 7853-Vietnam National University-Hanoi, thí sinh phải khai báo mã đăng ký trên khi đăng ký thi SAT.

**4. Các thông tin khác**

a) Dự kiến ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với thí sinh sử dụng kết quả thi THPT quốc gia năm 2019:

- Mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển các ngành học Ngôn ngữ bậc đại học hệ chính quy năm 2018 đối với học sinh phổ thông ở khu vực 3 là 15,00 điểm cho tất cả các tổ hợp xét tuyển gồm 03 môn/bài thi; Điểm tối thiểu của mỗi môn/bài thi trong tổ hợp xét tuyển phải lớn hơn 1,0 điểm;

- Mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển các ngành học Sư phạm bậc đại học hệ chính quy năm 2018 đối với học sinh phổ thông ở khu vực 3 là 17,00 điểm cho tất cả các tổ hợp xét tuyển gồm 03 môn/bài thi; Điểm tối thiểu của mỗi môn/bài thi trong tổ hợp xét tuyển phải lớn hơn 1,0 điểm.

b) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với thí sinh sử dụng chứng chỉ A-Level để tổ hợp kết quả 3 môn thi theo các khối thi quy định của ngành đào tạo tương ứng đảm bảo mức điểm mỗi môn thi đạt từ 60/100 điểm trở lên (tương ứng điểm C, PUM range ≥ 60) mới đủ điều kiện đăng ký để xét tuyển.

c) Số lượng chỗ trong ký túc xá: 2000

**5. Thông tin về ngành đào tạo/ chỉ tiêu/ tổ hợp môn xét tuyển/ thi tuyển**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT (1)** | **Mã trường (2)** | **Mã ngành (3)** | **Tên ngành (4)** | **Chỉ tiêu***(Cập nhật tại website)* | **Tổ hợp môn xét tuyển 1 (6)** | **Tổ hợp môn xét tuyển 2 (7)** | **Tổ hợp môn xét tuyển 3 (8)** | **Tổ hợp môn xét tuyển 4 (9)** |
| theo xét KQ thi THPT QG | Theo phương thức khác | Mã tổ hợp môn | Môn chính | Mã tổ hợp môn | Môn chính | Mã tổ hợp môn | Môn chính | Mã tổ hợp môn | Môn chính |
| 1 | QHF | 7220201 | Ngôn ngữ  Anh |   |   | D01 | Tiếng Anh | D78 | Tiếng Anh | D90 | Tiếng Anh |   |   |
| 2 | QHF | 7140231 | Sư phạm tiếng Anh |   |   | D01 | Tiếng Anh | D78 | Tiếng Anh | D90 | Tiếng Anh |   |   |
| 3 | QHF | 7220202 | Ngôn ngữ  Nga |   |   | D01 | Tiếng Anh | D02 | Tiếng Nga | D78 | Tiếng Anh | D90 | Tiếng Anh |
| 4 | QHF | 7220203 | Ngôn ngữ Pháp |   |   | D01 | Tiếng Anh | D03 | Tiếng Pháp | D78 | Tiếng Anh | D90 | Tiếng Anh |
| 5 | QHF | 7140234 | Sư phạm tiếng Trung Quốc |   |   | D01 | Tiếng Anh | D04 | Tiếng Trung | D78 | Tiếng Anh | D90 | Tiếng Anh |
| 6 | QHF | 7220205 | Ngôn ngữ Đức |   |   | D01 | Tiếng Anh | D05 | Tiếng Đức | D78 | Tiếng Anh | D90 | Tiếng Anh |
| 7 | QHF | 7140236 | Sư phạm tiếng Nhật |   |   | D01 | Tiếng Anh | D06 | Tiếng Nhật | D78 | Tiếng Anh | D90 | Tiếng Anh |
| 8 | QHF | 7140237 | Sư phạm tiếng Hàn Quốc |   |   | D01 | Tiếng Anh | D78 | Tiếng Anh | D90 | Tiếng Anh |   |   |
| 9 | QHF | 7220211 | Ngôn ngữ  Ả Rập |   |   | D01 | Tiếng Anh | D78 | Tiếng Anh | D90 | Tiếng Anh |   |   |
| 10 | QHF | 7220201CLC | Ngôn ngữ  Anh\*\*(CTĐT CLC TT23) |   |   | D01 | Tiếng Anh | D78 | Tiếng Anh | D90 | Tiếng Anh |   |   |
| 11 | QHF | 7220203CLC | Ngôn ngữ Pháp\*\* (CTĐT CLC TT23) |   |   | D01 | Tiếng Anh | D03 | Tiếng Pháp | D78 | Tiếng Anh | D90 | Tiếng Anh |
| 12 | QHF | 7220204CLC | Ngôn ngữ Trung Quốc\*\* (CTĐT CLC TT23) |   |   | D01 | Tiếng Anh | D04 | Tiếng Trung | D78 | Tiếng Anh | D90 | Tiếng Anh |
| 13 | QHF | 7220205CLC | Ngôn ngữ Đức\*\* (CTĐT CLC TT23) |   |   | D01 | Tiếng Anh | D05 | Tiếng Đức | D78 | Tiếng Anh | D90 | Tiếng Anh |
| 14 | QHF | 7220209CLC | Ngôn ngữ Nhật\*\*(CTĐT CLC TT23) |   |   | D01 | Tiếng Anh | D06 | Tiếng Nhật | D78 | Tiếng Anh | D90 | Tiếng Anh |
| 15 | QHF | 7220210CLC | Ngôn ngữ  Hàn Quốc\*\*(CTĐT CLC TT23) |   |   | D01 | Tiếng Anh | D78 | Tiếng Anh | D90 | Tiếng Anh |   |   |
| 16 | QHF | 7903124QT | Kinh tế - Tài chính\*\*\* |   |   | D01 | Tiếng Anh | A01 | Tiếng Anh | D78 | Tiếng Anh | D90 | Tiếng Anh |
| 17 | QHF | 7310101QT | Kinh tế - Quản lý\*\*\* |   |   | D01 | Tiếng Anh | D03 | Tiếng Pháp | D78 | Tiếng Anh | D90 | Tiếng Anh |
|  |  | **Tổng** |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Ghi chú:** - Yêu cầu điền đầy đủ thông tin vào các cột: (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9).

- Cột Mã ngành (3), Tên ngành (4): Quy định theo Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT ngày 20/10/2017; Trình độ CĐSP theo quy định theo Thông tư số 15/VBHN-BGD ĐT ngày 08/5//2014 hợp nhất Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học; Trình độ TCSP theo quy định tại Thông tư 34/2011/TT-BGD ĐT ngày 11/8/2011

- Cột Chỉ tiêu (5): Là tổng chỉ tiêu của tất cả phương thức tuyển sinh.

- Mã tổ hợp: Mỗi ngành chỉ được xét tuyển/ thi tuyển tối đa 04 tổ hợp môn quy định Mã tổ hợp trong Sheet "Bảng tổ hợp môn xét tuyển".

- Môn chính: Hệ số 2.

-  \*\* CTĐT thu học phí tương ứng với chất lượng đào tạo  đáp ứng Thông tư 23/2014 của Bộ GDĐT.

- \*\*\* CTĐT chính quy - liên kết quốc tế học hoàn toàn tại Việt Nam. Ngành Kinh tế - Tài chính do trường Southem New Hampshire (Mỹ) cấp bằng. Ngành Kinh tế - Quản lý do trường Picardie Jules Verne (Pháp) cấp bằng.

**V. TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

- Địa chỉ: Nhà E4, số 144 đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 024.37547506 (máy lẻ 666, 888)

- Hotline: 0913 486 773

- Email: tuyensinhdaihoc\_dhkt@vnu.edu.vn

- Website: [www.tuyensinhdaihoc.ueb.edu.vn](http://www.tuyensinhdaihoc.ueb.edu.vn/); [www.ueb.edu.vn](http://www.ueb.edu.vn/)

- Facebook: [www.facebook.com/ueb.edu.vn](http://www.facebook.com/ueb.edu.vn)

**1. Vùng tuyển sinh:** Tuyển sinh thí sinh trên phạm vi cả nước.

**2. Phương thức tuyển sinh**:

**2.1 Trường Đại học Kinh tế xét tuyển thí sinh sử dụng kết quả sau:**

(1) Kết quả thi THPT quốc gia theo tổ hợp các môn/bài thi tương ứng;

(2) Chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí ĐH Cambridge, Anh (gọi tắt là chứng chỉ A-Level);

(3) Kết quả kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ).

(4) Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế: Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 5.5 trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương.

**2.2. Trường ĐH Kinh tế xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển diện dự bị*đại học*** (theo quy chế, hướng dẫn tuyển sinh của Bộ GDĐT, quy định của ĐHQGHN) thí sinh thuộc các diện sau:

(1) Xét tuyển thẳng:

- Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế.

- Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia.

- Thí sinh thuộc các huyện nghèo (theo quy định tại Nghị định 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008, Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05/02/2013) và thí sinh là người dân tộc rất ít người theo quy định hiện hành.

- Xét tuyển thẳng và xét tuyển học sinh THPT chuyên thuộc ĐHQGHN và học sinh một số trường THPT chuyên ngoài ĐHQGHN.

(2) Ưu tiên xét tuyển:

- Thí sinh không dùng quyền xét tuyển thẳng.

- Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia.

- Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh.

(3) Xét tuyển học sinh dự bị đại học.

**3. Các thông tin cơ bản quy định trong đề án tuyển sinh của Trường:**

(1) Quy định về chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp: Trường ĐH Kinh tế không có chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển.

(2) Tiêu chí phụ xét tuyển đối với chương trình đào tạo chất lượng cao và chương trình đào tạo chuẩn:

- Tiêu chí phụ 1: Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì xét trúng tuyển căn cứ theo điểm từ cao xuống thấp của môn thi Toán.

- Tiêu chí phụ 2: Theo thứ tự nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào Trường.

(3) Học phí:

- Các chương trình đào tạo chuẩn: học phí áp dung theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015

- Các chương trình đào tạo chất lượng cao đáp ứng Thông tư 23: mức học phí dự kiến áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2019 là: 140 triệu đồng/Khóa, tương ứng 3,5 triệu đồng/tháng.

**4. Các thông tin khác (Không có)**

**5. Thông tin về ngành/nhóm ngành, chỉ tiêu, tổ hợp xét tuyển (chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình đào tạo chuẩn)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã trường** | **Mã xét tuyển** | **Tên ngành /nhóm ngành** | **Chỉ tiêu***(Cập nhật tại website)* | **Tổ hợp môn xét tuyển 1** | **Tổ hợp môn xét tuyển 2** | **Tổ hợp môn xét tuyển 3** | **Tổ hợp môn xét tuyển 4** |
| **Theo KQ thi THPT QG** | **Theo phương thức khác** | **Mã tổ hợp môn** | **Môn chính** | **Mã tổ hợp môn** | **Môn chính** | **Mã tổ hợp môn** | **Môn chính** | **Mã tổ hợp môn** | **Môn chính** |
| **I** | **Chương trình đào tạo chất lượng cao***(đáp ứng Thông tư 23/2014-TT-BGDĐT của Bộ GDĐT)* |
| 1                 | **QHE** | **QHE40** | **Quản trị kinh doanh** |   |   | D01(Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) | Toán | D09(Toán, Lịch sử, Tiếng Anh) | Toán | D10(Toán, Địa lý, Tiếng Anh | Toán | A01(Toán, Vật lý, Tiếng Anh) | Toán |
| 2                 | **QHE41** | **Tài chính - Ngân hàng** |   |   | D01(Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) | Toán | D09(Toán, Lịch sử, Tiếng Anh) | Toán | D10(Toán, Địa lý, Tiếng Anh | Toán | A01(Toán, Vật lý, Tiếng Anh) | Toán |
| 3                 | **QHE42** | **Kế toán** |   |   | D01(Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) | Toán | D09(Toán, Lịch sử, Tiếng Anh) | Toán | D10(Toán, Địa lý, Tiếng Anh | Toán | A01(Toán, Vật lý, Tiếng Anh) | Toán |
| 4                 | **QHE43** | **Kinh tế quốc tế** |   |   | D01(Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) | Toán | D09(Toán, Lịch sử, Tiếng Anh) | Toán | D10(Toán, Địa lý, Tiếng Anh | Toán | A01(Toán, Vật lý, Tiếng Anh) | Toán |
| **II** | **Chương trình đào tạo chuẩn** |
| 5                 | **QHE** | **QHE01** | **Kinh tế** |   |   | D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) | Toán | A00(Toán, Vật lý, Hóa học) | Toán | C04 (Ngữ văn, Toán, Địa lý) | Toán | A01(Toán, Vật lý, Tiếng Anh) | Toán |
| 6                 | **QHE02** | **Kinh tế phát triển** |   |   | D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) | Toán | A00(Toán, Vật lý, Hóa học) | Toán | C04 (Ngữ văn, Toán, Địa lý) | Toán | A01(Toán, Vật lý, Tiếng Anh) | Toán |

**Ghi chú:**

***- Đối với các chương trình đào tạo chất lượng cao:***

(1) Điểm môn Tiếng Anh nhân hệ số 2;

(2) Xét tuyển có điều kiện môn Tiếng Anh đầu vào của kỳ thi THPT quốc gia năm 2019 tối thiểu từ điểm 4.0 trở lên (thang điểm 10).

***- Xét tuyển theo các phương thức khác:*** Trong trường hợp thí sinh nhập học ít hơn chỉ tiêu được duyệt, chỉ tiêu còn lại sẽ được chuyển sang xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia.

**6. Thông tin về ngành/nhóm ngành, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển**(Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh liên kết quốc tế do Đại học Troy (Hoa Kỳ) cấp bằng)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã xét tuyển** | **Tên ngành (tiếng Việt)** | **Tên ngành (tiếng Anh)** | **Chỉ tiêu** |
| 1 | QHE80 | Quản trị kinh doanh | Business Administration | 80 |

Tên văn bằng: Bachelor of Science in Business Administration, viết tắt là BSBA-Troy.

***6.1. Phương thức tuyển sinh 1:***

Xét tuyển thí sinh đáp ứng ba điều kiện sau:

a) Điều kiện 1: Điểm trung bình chung các năm học ở bậc THPT đạt tối thiểu 6.0 theo thang điểm 10 (hoặc 2.0 theo thang điểm 4).

b) Điều kiện 2: Xét kết quả theo các tổ hợp: Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01); Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01); Toán, Hóa học, Tiếng Anh (D07); Toán, Sinh vật, Tiếng Anh (D08).

c) Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh (còn hiệu lực tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh) đạt tối thiểu trình độ B2 theo Khung tham chiếu Châu Âu hoặc tương đương.

***6.2. Phương thức tuyển sinh 2:***

Xét tuyển thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có một trong các chứng chỉ sau:

(1) Chứng chỉ A-Level do Hội đồng Khảo thí Quốc tế Cambridge cấp

(2) Chứng chỉ ACT

(3) Chứng chỉ SAT

**VI. TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC**

Địa chỉ: 144 Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84-247 3017 123).

Website: [http://www.education.vnu.edu.vn](http://www.education.vnu.edu.vn/)

Email: education@vnu.edu.vn

**1. Phương thức tuyển sinh:** Trường ĐHGD tuyển sinh theo nhiều đợt, đó là: *đợt 1*và*đợt bổ sung* (đợt bổ sung có thể được thực hiện một lần hay nhiều lần).

***Đợt 1,*** Trường ĐHGD tuyển sinh theo các phương thức sau:

a) Xét tuyển thẳng: Theo quy định của Bộ GDĐT và của ĐHQGHN

b) Phương thức xét tuyển theo kết quả tổ hợp các môn thi/bài thi THPT Quốc gia: Căn cứ trên điểm ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ GDĐT và của ĐHQGHN;

c) Phương thức xét tuyển theo chứng chỉ quốc tế A-level của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Anh: Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với thí sinh sử dụng chứng chỉ A-Level là điểm mỗi môn thi trong tổ hợp kết quả 3 môn thi theo các khối thi quy định của ngành đào tạo tương ứng đạt từ 60/100 điểm (tương ứng điểm C, PUM range ≥ 60) trở lên;

***Đợt bổ sung,*** Trường ĐHGD sử dụng Phương thức xét tuyển theo kết quả tổ hợp các môn thi/bài thi THPT Quốc gia.

**2. Các thông tin cơ bản quy định trong đề án tuyển sinh**

Trường tuyển sinh đầu vào theo các nhóm ngành: 1) Sư phạm Toán và Khoa học tự nhiên, 2) Sư phạm Ngữ văn và Lịch sử, 3) Quản trị trường học, Quản trị chất lượng giáo dục, Quản trị công nghệ giáo dục; Tham vấn học đường; Khoa học giáo dục với các tổ hợp xét tuyển tương ứng (cụ thể trong bảng sau). Sau khi sinh viên hoàn thành các học phần chung trong năm thứ nhất, Trường sẽ xét phân ngành cho sinh viên dựa trên các căn cứ:

- Nguyện vọng của thí sinh viên;

- Kết quả thi tuyển sinh;

- Điểm trung bình chung tích lũy.

**3. Các thông tin khác**

Trường Đại học Giáo dục (ĐHGD) được thành lập theo Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 03/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở phát triển Khoa Sư phạm - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) (được thành lập từ năm 1999). Với vai trò là trường đại học thành viên thuộc ĐHQGHN, Nhà trường được giao nhiệm vụ thực hiện mô hình mới về đào tạo giáo viên trong một đại học đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao. Đồng thời, Trường ĐHGD có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lí giáo dục, cán bộ nghiên cứu khoa học giáo dục và chuyên gia trong một số lĩnh vực khoa học giáo dục mà Việt Nam đang cần như giáo dục hướng nghiệp, tâm lý học lâm sàng, sức khoẻ tâm thần, quản lí hệ thống đào tạo và việc làm v.v…

Trường ĐHGD là cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trong đại học đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao về khoa học cơ bản là ĐHQGHN, trong lĩnh vực đào tạo giáo viên, Trường đã vận dụng triệt để lợi thế này thông qua mô hình đào tạo a + b. Trong mô hình này, khối kiến thức chung và khối kiến thức về khoa học cơ bản được tổ chức đào tạo tại các trường đại học thành viên (Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Kinh tế, Trường Đại học Công nghệ, Trường Đại học Ngoại ngữ,…). Trường ĐHGD tổ chức đào tạo khối kiến thức Khoa học giáo dục – Đào tạo giáo viên, trong đó, Trường ĐHGD là đơn vị quản lý chương trình đào tạo, quản lý sinh viên và cấp bằng tốt nghiệp, các trường đại học thành viên của ĐHQGHN là đơn vị phối hợp đào tạo.

**4. Thông tin về ngành/nhóm ngành, chỉ tiêu, tổ hợp xét tuyển**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã trường** | **Mã xét tuyển** | **Tên ngành /nhóm ngành** | **Chỉ tiêu***(Cập nhật tại website)* | **Tổ hợp môn xét tuyển 1** | **Tổ hợp môn xét tuyển 2** | **Tổ hợp môn xét tuyển 3** | **Tổ hợp môn xét tuyển 4** |
| **Theo KQ thi THPT QG** | **Theo phương thức khác** | **Mã tổ hợp môn** | **Môn chính** | **Mã tổ hợp môn** | **Môn chính** | **Mã tổ hợp môn** | **Môn chính** | **Mã tổ hợp môn** | **Môn chính** |
| 1 | QHS  | GD1 | Sư phạm Toán |   |   | A00 |   | A16 |   | B00 |   | D90 |   |
| 2 | Sư phạm Vật lí |
| 3 | Sư phạm Hóa học |
| 4 | Sư phạm Sinh học |
| 5 | Sư phạm Khoa học tự nhiên |
| 6 | GD2 | Sư phạm Ngữ văn |   |   | C00 |   | D01 |   | D78 |   | C15 |   |
| 7 | Sư phạm Lịch sử |
| 8 | GD3  | Quản trị trường học |   |   | A00  |   | A16 |   | D01 |   | C15 |   |
| 9 | Quản trị Công nghệ giáo dục |   |
| 10 | Quản trị chất lượng giáo dục |   |
| 11 | Tham vấn học đường |   |
| 12 |   | Khoa học giáo dục |   |
|   |   | **Tổng GD1 + GD2 + GD3** |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |

**VII. KHOA LUẬT**

Địa chỉ: Nhà E1 – 144 Xuân Thủy – Quận Cầu Giấy – Tp. Hà Nội

Điện thoại liên hệ: 02437.549.714

Website của ĐHQGHN theo địa chỉ: [http://law.vnu.edu.vn](http://law.vnu.edu.vn/)

Email: tuvantuyensinhkhoaluat@gmail.com

**1. Vùng tuyển sinh:**trên phạm vi cả nước

**2. Phương thức tuyển sinh:**

*- Đợt 1:* Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia theo tổ hợp các môn thi/bài thi tương ứng; chứng chỉ quốc tế A-Level của Trung tâm Khảo thí ĐH Cambridge, Anh;  kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt điểm theo quy định về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ĐHQGHN. Thời gian xét tuyển dự kiếntừ ngày 03/8/2019 đến trước 17h00 ngày 05/8/2019.

*- Đợt bổ sung:* Xét tuyển như Đợt 1, quy định cụ thể xét tuyển của từng ngành học tương ứng sẽ được công bố trên website của ĐHQGHN và của Khoa Luật *(nếu có)*. Thời gian xét tuyển dự kiến từ ngày 13/8/2019 đến trước ngày 31/8/2019.

**3. Các thông tin cơ bản quy định trong đề án tuyển sinh của Khoa**

***\* Đối tượng tuyển sinh***

- Thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và dự bị đại học xét tuyển theo các quy định hiện hành của Bộ, của ĐHQGHN và theo Đề án tuyển sinh đại học chính quy năm 2019;

- Thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2019 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐHQGHN quy định.

- Thí sinh có chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Anh (Cambridge International Examinations A-Level, UK; sau đây gọi tắt là chứng chỉ A-Level): Thí sinh sử dụng chứng chỉ A-Level có kết quả 3 môn phù hợp với yêu cầu của ngành đào tạo tương ứng, trong đó có ít nhất một trong hai môn Toán, Ngữ văn. Mức điểm mỗi môn thi đạt từ 60/100 điểm trở lên(tương ứng điểm C, PUM range ≥ 60) mới đủ điều kiện đăng ký để xét tuyển.

- Thí sinh có kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt điểm từ 1100/1600 hoặc 1450/2400 trở lên *(còn giá trị sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm kể từ ngày dự thi).* Mã đăng ký của ĐHQGHN với Tổ chức thi SAT (The College Board) là ***7853 - Vietnam National University - Hanoi***, thí sinh phải khai báo mã đăng ký trên khi đăng ký thi SAT.

- Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 5.5 trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương *(quy định tại Phụ lục 10 của Hướng dẫn này)* (chứng chỉ còn hạn sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm kể từ ngày dự thi)và có tổng điểm 2 môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu12 điểm *(trong đó bắt buộc có môn Toán hoặc môn Văn).*

**5. Các thông tin khác**

*Dự kiến ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT:*

- Ngành Luật (mã ngành 7380101): 17,0

- Ngành Luật CLC TT23 ((mã ngành 7380101): 16,5

- Ngành Luật Kinh doanh (mã ngành 7380110): 17,0

- Ngành Luật Thương mại Quốc tế (mã ngành 7380109): 17,0

**6. Thông tin về ngành/ nhóm ngành, chỉ tiêu, tổ hợp xét tuyển:**

- Xét tuyển chỉ tiêu theo từng tổ hợp: ngành Luật – mã xét tuyển QHL01 – mã ngành: 7380101

- Xét tuyển theo ngành: các ngành còn lại (ngành Luật CLC, Luật Kinh doanh và Luật Thương mại quốc tế).

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã trường** | **Tên ngành** | **Mã xét tuyển** | **Mã ngành** | **Chỉ tiêu***(Cập nhật tại website)* | **Tổ hợp môn xét tuyển 1** | **Tổ hợp môn xét tuyển 2** | **Tổ hợp môn****xét tuyển 3** | **Tổ hợp môn****xét tuyển 4** |
| Theo KQ thi THPT QG | Theo phương thức khác | Mã tổ hợp môn | Chỉ tiêu | Mã tổ hợp môn | Chỉ tiêu | Mã tổ hợp môn | Chỉ tiêu | Mã tổ hợp môn | Chỉ tiêu |
| 1 | QHL | Luật | QHL01 | 7380101 |   |   | C00 | 110 | A00 | 50 | D01,03 | D01:110D03: 20 | D78, 82 | D78: 40 D82: 10 |
| 2 | QHL | Luật CLC *(thu học phí  theo điều kiện đảm bảo chất lượng đáp ứng Thông tư 23 của Bộ GD ĐT)* | QHL40 | 7380101 CLC |   |   | A01 |   | D01 |   | D07 |   | D78 |   |
| 3 | QHL | Luật kinh doanh | QHL02 | 7380110 |   |   | A00 |   | A01 |   | D01,03 |   | D78, 82 |   |
| 4 | QHL | Luật thương mại quốc tế | QHL03 | 7380109 |   |   | A00 |   | A01 |   | D01 |   | D78, 82 |   |
|  |  | **Tổng cộng:** |   |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |

***Tiêu chí phụ:***

+ Đối với chương trình chuẩn:Trong trường hợp tại ngưỡng điểm trúng tuyển của từng ngành, số thí sinh bằng ngưỡng điểm trúng tuyển nhiều hơn số chỉ tiêu xét tuyển còn lại của từng ngành thì tiêu chí phụ là tổng điểm xét tuyển không bao gồm điểm ưu tiên khu vực và đối tượng.

+ Chương trình CLC thu học phí theo điều kiện đảm bảo chất lượng đáp ứng Thông tư 23 của Bộ GDĐT: Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì xét trúng tuyển căn cứ theo điểm từ cao xuống thấp của môn thi Tiếng Anh.

**VIII. KHOA QUỐC TẾ**

Mã: **QHQ**

Địa chỉ:

- Cơ sở 1: Nhà G7- nhà G8, số 144 Xuân Thuỷ, Cầu Giấy, Hà Nội.

- Cơ sở 2: Nhà C - nhà E, Làng Sinh viên HACINCO, 79 Nguỵ Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội.

- Cơ sở 3: Khoa Quốc tế - ĐHQGHN, phố Kiều Mai, Phường Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

SĐT: (024) 3555 3555

Fax: (024) 3754 9014

Website: [http://khoaquocte.vn](http://khoaquocte.vn/) | [http://is.vnu.edu.vn](http://is.vnu.edu.vn/)

Facebook: <https://www.facebook.com/khoaquocte>

Email: tuyensinh@khoaquocte.vn

**1. Vùng tuyển sinh:** Trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam

**2. Phương thức tuyển sinh:**

**- Đợt 1:**Xét tuyển kết quả thi trung học phổ thông (THPT) quốc gia năm 2019 theo tổ hợp các môn/bài thi đã công bố của Khoa. Điểm trúng tuyển xác định theo từng tổ hợp các bài thi/môn thi xét tuyển; Thí sinh được đăng ký xét tuyển (ĐKXT) không giới hạn số nguyện vọng, số trường/khoa và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Tuy nhiên, mỗi thí sinh chỉ trúng tuyển vào một nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký; Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển và cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có).

chứng chỉ quốc tế A-Level của Trung tâm Khảo thí ĐH Cambridge, Anh;  kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt điểm theo quy định về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ĐHQGHN. Thời gian xét tuyển theo Quy định của ĐHQGHN.

**- Đợt bổ sung:** Xét tuyển như Đợt 1, quy định cụ thể xét tuyển của từng ngành học tương ứng sẽ được công bố trên website của ĐHQGHN và của Khoa Quốc tế (nếu có). Thời gian xét tuyển theo Quy định của ĐHQGHN.

**3. Các thông tin cơ bản quy định trong đề án tuyển sinh của Khoa**

*a. Đối tượng tuyển sinh:*

- Thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và dự bị đại học xét tuyển theo các quy định hiện hành của Bộ GD-ĐT, của ĐHQGHN và theo Đề án tuyển sinh đại học chính quy năm 2019;

- Thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2019 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐHQGHN quy định.

- Thí sinh có chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Anh (Cambridge International Examinations A-Level, UK; sau đây gọi tắt là chứng chỉ A-Level): Thí sinh sử dụng chứng chỉ A-Level có kết quả 3 môn phù hợp với yêu cầu của ngành đào tạo tương ứng, trong đó có ít nhất một trong hai môn Toán, Ngữ văn. Mức điểm mỗi môn thi đạt từ 60/100 điểm trở lên (tương ứng điểm C, PUM range ≥ 60) mới đủ điều kiện đăng ký để xét tuyển.

- Thí sinh có kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt điểm từ 1100/1600 hoặc 1450/2400 trở lên (còn giá trị sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm kể từ ngày dự thi). Mã đăng ký của ĐHQGHN với Tổ chức thi SAT (The College Board) là **7853 - Vietnam National University Hanoi**, thí sinh phải khai báo mã đăng ký trên khi đăng ký thi SAT.

- Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 5.5 trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương (theo quy định cụ thể của ĐHQGHN) (chứng chỉ còn hạn sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm kể từ ngày dự thi) và có tổng điểm 2 môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu12 điểm (trong đó bắt buộc có môn Toán hoặc môn Văn).

*b. Phạm vi tuyển sinh:* Tuyển sinh trong cả nước và từ nước ngoài

*c. Phương thức tuyển sinh:* Xét tuyển dựa vào (1) kết quả bài thi THPT quốc gia **(97%)**; (2) chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Anh (chứng chỉ A-Level) và kết quả kỳ thi chuẩn hóa đánh giá năng lực trên giấy của tổ chức College Board, Educational Testing Service (SAT) **(1%)**, xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD-ĐT và của ĐHQGHN **(2%)**.

*d. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT*: Theo Quy định của ĐHQGHN

*e. Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển:* Theo Quy định của Bộ GDĐT và của ĐHQGHN; Đối với thí sinh là người nước ngoài xét tuyển theo Quyết định số ***4848/QĐ-ĐHQGHN*** ngày 18/12/2017 của Giám đốc ĐHQGHN.

Học sinh tốt nghiệp THPT chuyên thuộc ĐHQGHN, hoặc các trường THPT chuyên khác cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được xét tuyển thẳng vào các chương trình đào tạo đại học tại Khoa Quốc tế nếu có hạnh kiểm 3 năm học THPT đạt loại Tốt và là thành viên chính thức đội tuyển dự kỳ thi Olympic/thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế; hoặc đạt giải chính thức kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN; Hoặc đạt giải chính thức kỳ thi thường niên Olympic chuyên Khoa học tự nhiên bậc THPT; Hoặc là thành viên chính thức đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp quốc gia; Hoặc đạt học sinh giỏi trong cả 3 năm THPT, tổng điểm 4 bài thi/môn thi tốt nghiệp THPT đạt tối thiểu 28 điểm (không có điểm bài thi/môn thi xét tốt nghiệp nào dưới 5,0 điểm.)

Ưu tiên xét tuyển các học sinh tốt nghiệp THPT trong năm tuyển sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh hoặc cấp ĐHQGHN với môn thi phù hợp với ngành/chương trình đào tạo và đồng thời đáp ứng điều kiện: đạt lực học loại giỏi liên tục trong 3 năm học bậc THPT; đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành đào tạo và các điều kiện khác do các HĐTS quy định trong đề án tuyển sinh.

**4. Các thông tin khác**

-  **Số lượng chỗ trong ký túc xá:** 150

- **Học phí** (thu bằng tiền VNĐ):

+ Kinh doanh quốc tế: 186 triệu đồng/sinh viên/toàn bộ khoá học tương đương 8.000 USD/sinh viên/khoá học.

+ Kế toán, Phân tích và Kiểm toán: 186 triệu đồng/sinh viên/toàn bộ khoá học tương đương 8.000 USD/sinh viên/khoá học.

+ Hệ thống thông tin quản lý: 168 triệu đồng/sinh viên/toàn bộ khoá học tương đương 7.200 USD/sinh viên/khoá học.

+ Tin học và kỹ thuật máy tính: 168 triệu đồng/sinh viên/toàn bộ khoá học tương đương 7.200 USD/sinh viên/khoá học.

- Ngoài các đợt xét tuyển theo kế hoạch của ĐHQGHN, Khoa xét tuyển đợt bổ sung (nếu còn chỉ tiêu) với điều kiện xét tuyển tương tự như các đợt chính thức.

- Các chương trình đào tạo của Khoa Quốc tế do ĐHQGHN cấp bằng là các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh chất lượng cao theo đặc thù đơn vị. Sinh viên theo học các chương trình này được các trường đại học: ĐH Canberra, ĐH Macquarie (Úc), ĐH Heriot-Watt, ĐH Huddersfield (Anh), ĐH Missouri State (Mỹ), ĐH Chienkuo (Đài Loan) công nhận tín chỉ để chuyển tiếp.

*- Các CTĐT bằng kép:* sau khi học hết năm thứ nhất các ngành Kinh doanh quốc tế; Kế toán, Phân tích và Kiểm toán; Hệ thống thông tin quản lý, sinh viên có cơ hội học thêm một ngành thứ hai là một trong các ngành: Ngôn ngữ Anh/ Ngôn ngữ Nhật/ Ngôn ngữ Hàn Quốc của Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐHQGHN; ngành Luật kinh doanh của Khoa Luật – ĐHQGHN. Sinh viên hoàn thành CTĐT của cả hai ngành sẽ được nhận hai bằng cử nhân chính quy.

*- Các CTĐT liên kết khác:* ngoài các CTĐT trên, năm 2019, Khoa Quốc tế - ĐHQGHN tiếp tục tuyển sinh CTĐT Cử nhân khoa học Quản lý do trường ĐH Keuka, Hoa Kỳ cấp bằng (mã ngành dự kiến: QHQ80); CTĐT Cử nhân Kế toán và Tài chính do trường ĐH East London, Anh cấp bằng (mã ngành dự kiến: QHQ81); CTĐT Cử nhân Quản trị Khách sạn, Thể thao và Du lịch do trường ĐH Troy, Hoa Kỳ cấp bằng (mã ngành dự kiến: QHQ82) theo hình thức (1) xét tuyển học bạ THPT hoặc (2) kết quả thi THPT quốc gia hoặc (3) chứng chỉ A-Level hoặc (4) chứng chỉ SAT.

**Chi tiết xem tại website:**

[http://tuyensinh.khoaquocte.vn](http://tuyensinh.khoaquocte.vn/) hoặc [http://tuyensinh.vnu.edu.vn](http://tuyensinh.vnu.edu.vn/)

**5. Thông tin về ngành/nhóm ngành, chỉ tiêu, tổ hợp xét tuyển**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã trường** | **Mã xét tuyển** | **Tên ngành /CTĐT** | **Chỉ tiêu***(Cập nhật tại website)* | **Tổ hợp môn xét tuyển 1** | **Tổ hợp môn xét tuyển 2** | **Tổ hợp môn xét tuyển 3** | **Tổ hợp môn xét tuyển 4** |
| **Theo KQ thi THPT QG** | **Theo phương thức khác** | **Mã tổ hợp môn** | **Môn chính** | **Mã tổ hợp môn** | **Môn chính** | **Mã tổ hợp môn** | **Môn chính** | **Mã tổ hợp môn** | **Môn chính** |
| 1 | QHQ | QHQ01 | *Kinh doanh quốc tế (đào tạo bằng tiếng Anh)* |  |  | **A00** |  | **A01** |  | **D01-D06** |  | **D96-DD1** |  |
| 2 | QHQ | QHQ02 | *Kế toán, Phân tích và Kiểm toán (đào tạo bằng tiếng Anh)* |  |  | **A00** |  | **A01** |  | **D01-D06** |  | **D96-DD1** |  |
| 3 | QHQ | QHQ03 | *Hệ thống thông tin quản lý (đào tạo bằng tiếng Anh)* |  |  | **A00** |  | **A01** |  | **D01-D06** |  | **D96-DD1** |  |
| 4 | QHQ | QHQ04 | *Tin học và Kỹ thuật máy tính (chương trình LKQT do ĐHQGHN cấp bằng, đào tạo bằng tiếng Anh)* |  |  | **A00** |  | **A01** |  | **D01-D06** |  | **D90-D95** |  |
| **Tổng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**IX. KHOA Y DƯỢC**

Địa chỉ: 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Số điện thoại: 0437 450.188

Fax: 0437 450.188

Website: <http://smp.vnu.edu.vn/>

Email: smp@vnu.edu.vn

**1. Vùng tuyển sinh**: Trên cả nước

**2. Phương thức tuyển sinh:**

- Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia năm 2019.

- Phương thức khác như: Tuyển thẳng Học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia và cuộc thi khoa học kỹ thuật quốc gia, chứng chỉ quốc tế như A- Level, kỳ thi chuẩn hóa SAT.

**3. Các thông tin cơ bản quy định trong đề án tuyển sinh của Khoa**

**4. Các thông tin khác (nếu có)**

**5. Thông tin về ngành/nhóm ngành, chỉ tiêu, tổ hợp xét tuyển**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã trường** | **Mã xét tuyển** | **Tên ngành /nhóm ngành** | **Chỉ tiêu***(Cập nhật tại website)* | **Tổ hợp môn xét tuyển 1** | **Tổ hợp môn xét tuyển 2** | **Tổ hợp môn xét tuyển 3** | **Tổ hợp môn xét tuyển 4** |
| **Theo KQ thi THPT QG** | **Theo phương thức khác** | **Mã tổ hợp môn** | **Môn chính** | **Mã tổ hợp môn** | **Môn chính** | **Mã tổ hợp môn** | **Môn chính** | **Mã tổ hợp môn** | **Môn chính** |
| 1 | QHY | 7720101 | Y Khoa |   |   | B00 |   |  |  |  |  |  |  |
| 2 | QHY | 7720201 | Dược học |   |   | A00 |   |  |  |  |  |  |  |
| 3 | QHY | 7720501 | Răng hàm mặt |   |   | B00 |   |  |  |  |  |  |  |
| 4 | QHY | 7720601 | Kỹ thuật Xét nghiệm Y học |   |   | B00 |   |  |  |  |  |  |  |
| 5 | QHY | 7720602 | Kỹ thuật Hình ảnh Y học |   |   | B00 |   |  |  |  |  |  |  |
|  |   |   | **Tổng:** |  |  |  |   |  |  |  |  |  |  |